

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST

Ngày: 19/6/2023

V/v “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Điền

Ông Đoàn Văn Đây.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 948/2022/QĐST-DS ngày 30/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 9142 Sheridan Dr Huntington BH, CA 92646, USA

Địa chỉ hiện nay: 1935 Hickory Lane Huntington BH, CA 92646, USA

Địa chỉ liên lạc: tổ 11, ấp Bàu Cối, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thiêm Diên T, sinh năm 1960 (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2022)

Địa chỉ: 35/5 Bùi Thị Xuân, khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:*

1. Ông Đỗ Trọng Q, sinh năm 1948.

2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1953.

HKTT: Y81 Quốc lộ 1, khu X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 610 đường 21/4, khu phố 3, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Diên T có đơn xin vắng mặt, ông Q, bà H1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Thiêm Diêm T trình bày: Bà Trần Thị H là em ruột của bà Trần Thị H1 nên khi vợ chồng bà H1 ngỏ ý mượn vàng để mua nhà thì bà H đồng ý giúp đỡ và đã đưa về cho vợ chồng bà H1 mượn số vàng là 30 cây vàng 9999 (Ba mươi cây vàng 4 số 9) vào khoảng tháng 10 năm 1997. Với số vàng này, ông Đỗ Trọng Q, bà Trần Thị H1 đã mua căn nhà số Y 81 Quốc lộ 1, khu X, thị trấn Xuân Lộc, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là số 610 đường 21/4, khu phố 3, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai). Ngày 29/03/1998, bà H về nước gặp vợ chồng ông Đỗ Trọng Q, bà Trần Thị H1 để xem nhà. Lúc đó, phía vợ chồng bà H1 có đưa cho bà H một bản giấy viết tay photo với nội dung mượn 30 lượng vàng 9999 của bà H để mua căn nhà nói trên nhưng chưa ký tên. Do vậy, trước sự chứng kiến của hai người bà con bên ông Q là bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937, bà H yêu cầu các bên tham gia cùng ký tên. Phía vợ chồng ông Q do ông Q đại diện ký tên vì bà H1 không biết chữ, phía người làm chứng là bà H2 và bà N ký tên.

Bà H xác định trong nội dung giấy mượn nợ bà H chỉ viết thêm phần chữ in hoa dưới của trang giấy và mặt sau của trang giấy để người mượn, người cho mượn và người làm chứng ký tên, các phần còn lại là do bên ông Q đã viết trước đó. Khoảng tháng 05 năm 1998, bà H tiếp tục đưa về cho ông Đỗ Trọng Q, bà Trần Thị H1 mượn thêm 22 cây vàng 9999 để sửa chữa, cải tạo lại nhà ở và chưa làm giấy tờ. Bà H xác định vào thời điểm này bà chỉ nhờ người quen đưa vàng cho ông Q bà H1, giao nhận xong điện báo cho bà biết, khi nào về nước thì lấy giấy biên nhận sau. Từ đó trở đi vì rất tin tưởng nhau nên bà không để ý đến việc làm và lấy giấy biên nhận về số 22 cây vàng 9999. Nay bà H không còn lao động như xưa ở nước ngoài và cũng không có thu nhập nên yêu cầu ông Đỗ Trọng Q,

bà Trần Thị H1 sớm thanh toán lại cho bà số vàng đã mượn tổng cộng là 52 lượng 9999 (năm mươi hai cây vàng 9999) thì ông bà lại không thiện chí thực hiện, luôn tìm cách tránh né, kéo dài thời gian. Do vậy, bà khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Tòa án) buộc ông Đỗ Trọng Q, bà Trần Thị H1 phải liên đới trả lại cho bà 52 cây vàng 9999. Giá trị tạm tính của 52 cây vàng 9999 theo thị trường hiện nay là khoảng 3.100.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà H rút yêu cầu cầu khởi kiện đối với 22 cây vàng 9999.

Bị đơn bà Trần Thị H1, ông Đỗ Trọng Q: Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; thông báo mở phiên tòa nhưng ông bà không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng qui định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đất văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Trọng Q và bà Trần Thị H1 trả lại bà 52 cây vàng 9999 mà bà H đã cho ông Q bà H1 mượn vào năm 1998, không yêu cầu tính lãi suất nhận thấy:

Cơ sở đưa ra yêu cầu khởi kiện, bà H cung cấp “Giấy mượn nợ” (bản chính BL 29), tuy nhiên bà H cũng thừa nhận tại Giấy mượn nợ này chữ viết là chữ photo còn phần chữ màu mực viết hoa là do bà viết còn chữ ký là do người vay, người làm chứng ký. Trong giấy mượn nợ này thể hiện vợ chồng bà H1 mượn của bà H 30 cây vàng 9999 và có 2 người làm chứng là Huỳnh Thị H2 và Nguyễn Thị N. Đối với 22 cây vàng 9999 bà cho vợ chồng bà H1 mượn năm 1998 thì chỉ thỏa thuận miệng không lập giấy tờ.

Quá trình giải quyết vụ án không xác định được bị đơn ở đâu, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 BLTTDS nhưng đến nay bị đơn ông Đỗ Trọng Q và bà Trần Thị

H1 không có ý kiến trình bày. Người làm chứng là Huỳnh Thị H2 và Nguyễn Thị N hiện đã già yếu, bệnh tật nên không làm việc được.

Như vậy, căn cứ Điều 264 Bộ luật Dân sự năm 1995: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đỗ Trọng Q và bà Trần Thị H1 trả cho bà Trần Thị H 30 cây vàng SJC 9999 nhưng quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử.

Đối với 22 cây vàng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh và đã có đơn xin rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q, bà H1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án không xác định được bị đơn ở đâu, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Đỗ Trọng Q, bà Trần Thị H1 nhưng ông bà không đến tòa tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải cũng như không đến Tòa án tham gia xét xử, căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với ông ông Q, bà H1.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị H có quốc tịch và đang sinh sống tại USA (H Kỳ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Trọng Q và bà Trần Thị H1 trả lại cho bà 52 cây vàng 9999 mà bà H đã cho ông Q bà H1 mượn vào năm 1998, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với bà H1, ông Q nhưng căn cứ “Giấy mượn nợ” (bản chính bút lục 29) do bà H cung cấp, bà H cũng thừa nhận tại Giấy mượn nợ này chữ viết là chữ photo còn phần chữ màu mực viết hoa là do bà viết, còn chữ ký chỗ người vay là do ông Q ký, bà H1 không biết chữ nên có mỗi ông Q ký vào, người làm chứng ký là bà H2, bà N. Nội dung giấy mượn nợ này thể hiện vợ chồng bà H1 mượn của bà H 30 cây vàng 9999 và có 2 người làm chứng là Huỳnh Thị H2 và Nguyễn Thị N. Trong giấy chỉ ghi 30 cây vàng 9999 nhưng bà H trình bày đó là 30 cây vàng SJC 9999. Như vậy có đủ cơ sở xác định bà H1, ông Q mượn của bà H số vàng trên.

Quá trình giải quyết vụ án không xác định được ông Đỗ Trọng Q và bà Trần Thị H1 ở đâu, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự để ông Q, bà H1 được biết nội dung vụ án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông bà nhưng ông bà không đến tòa làm việc, cũng không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án, do vậy nên xem như ông bà đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Người làm chứng là Huỳnh Thị H2 và Nguyễn Thị N hiện đã già yếu, bệnh tật nên không làm việc được.

Tòa án mời bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh là con gái bà H1, ông Q đến Tòa làm việc nhưng bà Hạnh cho biết bà không liên quan đến vụ án nên không đến Tòa làm việc (bút lục 142).

Từ những phân tích nêu trên căn cứ Điều 264 Bộ luật Dân sự năm 1995 và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đỗ Trọng Q và bà Trần Thị H1 phải liên đới thanh toán cho bà Trần Thị H 30 cây vàng 9999 theo giấy mượn nợ nêu trên nhưng quy đổi thành tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là $67.100.000 \text{ đồng} / 01 \text{ cây vàng } 9999 = 2.013.000.000 \text{ đồng}$.

Đối với 22 cây vàng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh và đã có đơn xin rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí DSST: Ông Q, bà H1 phải liên đới chịu 72.260.000 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 28, 35, 37, 39, 180, 203, 207, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ Điều 264 Bộ luật dân sự 1995 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1. Buộc ông Đỗ Trọng Quyên và bà Trần Thị H1 phải liên đới thanh toán cho bà Trần Thị H số vàng 30 cây vàng SJC 9999. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là 2.013.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm mười ba triệu đồng chẵn).

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Đỗ Trọng Q và bà Trần Thị H1 về số vàng 22 cây 9999.

3. Án phí DSST: Ông Q, bà H1 phải liên đới chịu 72.260.000 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

4. Về thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự ;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ; văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên

